

**CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH MINH GEOLOGY AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BINH MINH GEOLOGY AND TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400870837

**3. Ngày thành lập:** 05/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Quỳnh Sành, Xã Nghĩa Phương, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0989823401

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác<br>Chi tiết: - Khoan thăm dò khoáng sản | 0990     |
| 2.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện    | 2710     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                       | 2790     |
| 4.  | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)            | 2811     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                    | 2812     |
| 6.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                        | 2813     |
| 7.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động      | 2814     |
| 8.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                         | 2816     |
| 9.  | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                             | 2818     |
| 10. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                      | 2819     |
| 11. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                     | 2822     |
| 12. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                             | 2824     |
| 13. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                     | 2829     |
| 14. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                 | 3600     |
| 15. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                     | 3700     |
| 16. | Thu gom rác thải không độc hại                                                    | 3811     |
| 17. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                          | 3821     |
| 18. | Tái chế phế liệu                                                                  | 3830     |
| 19. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                 | 3900     |
| 20. | Phá dỡ                                                                            | 4311     |

Thời gian đăng từ ngày 05/09/2019 đến ngày 05/10/2019

|     |                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                           | 4649        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                       | 4653        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                              | 4659        |
| 26. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                 | 4661        |
| 27. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 29. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                            | 4669        |
| 30. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 31. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                           | 4719        |
| 32. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4730        |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                         | 4752        |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4759        |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                      | 5225        |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                          | 5229        |
| 38. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản nguồn nước ;<br>- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn;<br>- Tư vấn thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước;<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ. | 7110(Chính) |
| 39. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm pha và phân tích mẫu nước, mẫu địa chất, khoáng sản.                                                                                                                                                        | 7120        |
| 40. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên<br>Chi tiết: Nghiên cứu công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ, xây dựng, quy hoạch, môi trường;                                                                 | 7211        |
| 41. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                               | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu đối với các phòng thử nghiệm;</li> <li>- Phân tích môi trường ;</li> <li>- Tư vấn về môi trường;</li> <li>- Quan trắc môi trường;</li> <li>- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;</li> <li>- Đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường;</li> <li>- Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường;</li> <li>- Lập Báo cáo xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành;</li> <li>- Lập Báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;</li> <li>- Lập Báo cáo giám sát môi trường định kỳ;</li> <li>- Huấn luyện an toàn lao động, huấn luyện an toàn hoá chất;</li> <li>- Quan trắc môi trường lao động;</li> <li>- Đào tạo, tư vấn, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ về đo lường;</li> <li>- Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xử lý: rác thải công nghiệp, rác sinh hoạt, rác thải bệnh viện, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, nước cấp, khí thải, tiếng ồn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ, xây dựng, quy hoạch, môi trường;</li> <li>- Lập các đề án xả nước thải vào nguồn nước.</li> <li>- Lập các đề án khai thác nước, sử dụng tài nguyên nước, các công trình xử lý nước, nước thải, khí thải, chất thải rắn (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).</li> </ul> | 7490 |
| 43. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 44. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 150.000.000 VNĐ

Ho và tên: PHAM ĐĂNG

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 122039693

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Quỳnh Sành, Xã Nghĩa Phương, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Quỳnh Sành, Xã Nghĩa Phương, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 30/05/1993      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 122039693

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Quỳnh Sành, Xã Nghĩa Phương, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Quỳnh Sành, Xã Nghĩa Phương, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang